

KẾ HOẠCH TUẦN 12 – HỌC KỲ II – NH 2022.23

Từ ngày: 10/04/2023 → 15/04/2023

Chủ đề tháng 4: "Thanh niên với hòa bình, hữu nghị và hợp tác."

I- CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG – PHÁP CHẾ - TỔ CHỨC:

- Thứ Hai(7g15-10/4):Tiết1+2(SHDC+SHCN). (GVCN+TLTN)
- Tiếp tục thực hiện công tác Hướng nghiệp cho HS khối 12.
- Hoàn tất các thông báo liên quan Tuyển sinh 10 năm 2023. (HT+TLTN+PhCông)
- **Thực hiện đảm bảo An toàn trường học, An toàn PCCC.** (PHT2 chỉ đạo)

II- TRẬT TỰ - NỀ NẾP – VỆ SINH:

- Nhắc nhở học sinh: Trong giờ ra chơi học sinh ở lớp, hành lang hoặc xuống sân theo khu vực PHT2 phân chia, không đem đồ ăn nước uống vào trường, tuyệt đối không được ăn uống trong phg học, không ồn ào trong giờ nghỉ trưa. HS không được chơi đá cầu, cầu lông, chạy nhảy ở các hành lang trên lầu. HS không được leo trèo lan can lầu cao, hàng rào, cây cao; không phá bẻ điện. Giáo dục HS Giữ gìn vệ sinh chung. Chấp hành Luật an toàn giao thông. (GV+Gthị). GVCN nhắc HS lớp dọn dẹp VS lớp sạch sẽ, gọn gàng, khóa cửa phòng khi ra về.
- Buổi trưa không để HS tự bày biện ăn uống tại phòng học và hành lang lớp học. Hướng dẫn HS nơi ăn trưa. (PHT2+GThị)
- **Tổ chức kiểm tra toàn bộ các phòng học: Vệ sinh lớp, tháo dỡ các vật dụng không phù hợp...** (PHT2+GThị)
- Lao động sân trường theo Kế hoạch Phó HT. (GVCN+GThị+PV)

III- CHI BỘ - ĐOÀN THỂ:

- Tiếp đảng viên, GV, NV và phụ huynh lúc 8g40 và 14g40 hằng ngày. (BTCB+HT+Cô Diệp)
- Thực hiện hồ sơ phát triển Đảng. (Thầy Phú Đức, thầy Chí, thầy Thi). (Chi ủy)
- Tham gia Giải bóng đá Huyện BC sân 11. (Tổ TD)
- Tiếp tục nhập dữ liệu lên phần mềm QL đoàn viên trên cổng thông tin Thành đoàn cho ĐVTN toàn trường. (TLTN+BCHĐT)
- Thứ Tư(13g-12/4): Hội nghị tập huấn công tác chuyển đổi số và HN tổng kết Tháng thanh niên 2023. (TLTN+BT+PBT ĐT)
- Hoàn tất báo cáo tổng kết giải thể thao học sinh NH 2022 - 2023 gửi về BCĐ cấp Huyện trước 14/4. (TLTN)
- Hoàn tất danh sách học sinh K10,11 đăng ký tham gia Ngoại khoá tại Phan Thiết. (BTC+TLTN+cô Diệp)
- Thứ Sáu(14/4): Thực hiện Hoạt động Ngoại khoá khối 10, 11 cho HS đăng ký theo kế hoạch. Các HS không tham gia Ngoại khóa sẽ học bình thường tại trường.

IV- CHUYÊN MÔN:

1) Công tác dạy và học: Thực hiện KH dạy học HK2 năm học 2022-23 theo TKB số 06 (áp dụng 27/02/2023).

- Thông báo Kế hoạch và Lịch Kiểm tra Cuối kỳ HK2. (HT)
- Thứ Tư(12/4): **Kiểm tra Giữa kỳ Bổ sung** theo Thông báo. (PHT1)
- Kiểm duyệt tất cả Hồ Sơ Học Nghề và Thi Nghề NH 2022.23. (HT)
- Tự kiểm tra đánh giá Thư viện, Thiết bị, Phòng TN, HỒ SƠ HỌC NGHỀ... trước 21/4/2023. (PHT1 chỉ đạo)
- Từ 24/4 đến 08/5/2023 Tham gia kiểm tra chéo theo KH Cụm 4.

2) Thanh kiểm tra:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Kiểm tra Nội bộ. (theo phân công)

V- CÔNG TÁC KHÁC:

- Tiến hành mua trang thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp. Thanh lý các vật dụng thiết bị không còn sử dụng được. (BGH chỉ đạo)
- Rà soát, sửa chữa các thiết bị dạy học: Micro, Amply, Tivi ...

VI- CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN TRONG TUẦN TRƯỚC:

*** CÁC CÔNG TÁC, PHONG TRÀO TRONG THỜI GIAN TỚI:** (Công tác phát sinh có thể sẽ nhấn trên zalo bổ sung)

- Thứ sáu họp giao ban 30': BGH, CTCD, Kế toán, TLTN, Giám thị, TTVP.

29/4 → 2/5	Nghỉ Lễ Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5	21/5	Họp PHHS cuối năm, Tổng kết lớp (Phát thưởng và đăng ký thi lại)
03/5 → 06/5	Thi HK2	22/5	Lễ Tổng kết năm học + Họp HĐSP cuối năm
08/5 → 20/5	Giảng dạy hoàn tất chương trình năm học	17/5 → 24/5	GV vào điểm học bạ, ký tên trên Sổ điểm lớp
3/5 → 7/5	Dự kiến Hạng kiểm HS (GVCN)	23/5 → 23/6	Dạy ôn tập Khối 12 (Dự kiến 4 tuần)
	GV chấm bài + Trả bài kiểm tra cuối kỳ (theo tiết dạy)	25/5 → 28/5	
9/5 → 11/5	GV tự kiểm dò điểm số --> hoàn tất điểm số	29/5 → 31/5	Kiểm tra chéo học bạ
12/5 → 14/5	Xét thi đua cấp tổ	05/6 → 7/6	Thi Tuyển sinh 10
11/5 → 12/5	Phúc khảo + KTCK bổ sung	19/6 → 24/6	Xét đánh giá Quý 2/2023
14/5	Họp PHHS Khối 12	27/6 → 30/6	Thi TNPT 2023
19/5	Hội thi Kể chuyện về Bác	Đầu tháng 6	SƠ tập huấn coi thi TS10 và TNPT
17/5	Họp xét HL, HK học sinh; Họp HĐ thi đua		
18/5 → 19/5	Thi nghề PT		

Nơi nhận:

- BGH, TTr ;
- GV + Tổ VP;
- Bản tin GV; Website

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN

SƠ KẾT THI ĐUA TUẦN
Tuần thi đua 10 - HK2: Từ ngày 31/3 đến ngày 6/4/2023

Lớp	GVCN	Số điểm ban đầu	Sĩ số	Số đầu bài	Số điểm danh	vắng hợp	Vi phạm	Điểm cộng	Tổng điểm	Xếp hạng	Nhóm	XH toàn trường	XH giai đoạn đến hết tuần...
10C1	T. HÙNG (H)	4600	46	45	0	0	0	0	99.0	12		29	
10C2	C. BÍCH (AV)	4500	44	0	0	0	0	0	100.0	1		7	
10C3	C. VÂN (L)	4500	43	0	0	0	30	0	99.3	10		26	
10C4	C. CHÂU (AV)	4600	46	15	0	0	30	0	99.0	12		29	
10C5	C. H. HOA (H)	4600	46	15	0	0	15	0	99.3	9		24	
10C6	C. PHƯƠNG (AV)	4600	46	0	15	0	0	0	99.7	6		17	
10C7	C. NGỌC (T)	4600	46	0	0	0	15	0	99.7	6		17	
10C8	C. DUNG (H)	4300	43	0	0	0	0	0	100.0	1	I	7	
10C9	C. DUNG (S)	4600	46	0	0	0	0	0	100.0	1		7	
10C10	C. HOÀI (S)	4300	43	15	30	0	15	0	98.6	15		33	
10C11	C. LOAN (AV)	4300	43	15	0	0	15	0	99.3	10		26	
10C12	C. TRÂM (L)	4300	43	25	0	0	30	0	98.7	14		32	
10C13	C. TRÀ (V)	4100	41	0	45	0	30	0	98.2	16		39	
10C14	C. NGÂN (V)	4100	41	0	0	0	15	0	99.6	8		21	
10C15	C. TRÂM (Đ)	4100	41	0	0	0	0	0	100.0	1		7	
10C16	T. THÀNH (GD CD)	4000	40	0	0	0	0	0	100.0	1		7	
11B4	C. TUYẾT (H)	4400	44	0	0	0	110	0	97.5	10		43	
11B5	C. M. HIỀN (AV)	4400	44	0	0	0	0	20	100.5	1		2	
11B6	C. ĐIỂM (L)	4300	43	0	0	0	85	0	98.0	9		41	
11B7	C. T. HIỀN (V)	4300	43	15	0	0	60	0	98.3	7		37	
11B8	C. TÂN (GD CD)	4500	45	0	0	0	75	0	98.3	6		35	
11B9	T. HUY (H)	4300	43	0	0	0	15	0	99.7	3	II	20	
11B10	T. GIANG (L)	4400	44	0	0	0	180	0	95.9	12		45	
11B11	C. THUỶ (V)	4400	44	0	0	0	15	0	99.7	2		19	
11B12	C. YẾN (V)	4500	45	0	15	0	30	0	99.0	5		31	
11B13	T. PHÚ (T)	4500	45	0	0	0	40	0	99.1	4		28	
11B14	C. TÂM (S)	4300	43	15	105	0	0	40	98.1	8		40	
11B15	T. TRƯỜNG (T)	4400	44	15	75	0	50	20	97.3	11		44	
12A4	T. HỮU (T)	3800	38	0	15	0	75	0	97.6	10		42	
12A5	T. SƠN (H)	3800	38	50	165	0	0	40	95.4	11		46	
12A6	C. T. VÂN (AV)	4000	40	0	0	0	0	0	100.0	3		7	
12A7	T. VŨ (L)	4000	40	30	0	0	0	20	99.8	6		16	
12A8	T. NAM (T)	3600	36	0	0	0	15	20	100.1	1		4	
12A9	C. LÀI (AV)	3800	38	0	0	0	0	0	100.0	3	III	7	
12A10	T. ĐỨC (AV)	3800	38	0	0	0	15	20	100.1	2		5	
12A11	C. THANH (V)	4300	43	5	0	0	0	0	99.9	5		15	
12A12	C. DUNG (Đ)	4500	45	0	15	0	10	0	99.4	7		23	
12A13	C. NHUNG (V)	4500	45	0	0	0	75	0	98.3	8		35	
12A14	C. L. ANH (V)	4400	44	20	60	0	0	0	98.2	9		38	
11B1	C. HUỖN (T)	4200	42	0	0	0	0	0	100.0	4		7	
11B2	C. HOÀNG (L)	3900	39	0	0	0	15	0	99.6	5		22	
11B3	C. HOA (V)	3900	39	0	0	0	0	20	100.5	1		1	
12A1	T. CAO (L)	4500	45	0	0	0	0	20	100.4	2	IV	3	
12A2	C. THỦY (T)	4400	44	15	0	0	15	0	99.3	6		25	
12A3	C. TRINH (H)	4300	43	0	15	0	0	20	100.1	3		6	
12A15	C. MY (T)	4000	40	0	15	0	50	0	98.4	7		34	

HIỆU TRƯỞNG

Người Tổng Kết

Hồ Xuân Phúc

Nguyễn Hoàng Anh